TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-PT
Ngày: 06 - 02 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 144/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số: 06/TB-TA ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà I, đường N, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1966.

Bà Trần Hồng H1, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số A, đường N, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Trần Hồng H1, Nguyễn Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Lê Thị Tuyết M có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 09/8/2019 âm lịch (nhằm ngày 07/9/2019 dương lịch) bà Lê Thị Tuyết M có đứng ra tổ chức dây hụi tháng, số tiền 5.000.000 đồng/tháng, hụi có 32 phần. Bị đơn vợ chồng bà Trần Hồng H1, ông Nguyễn Thành N tham gia 02 (hai) phần. Bà H1, ông N đã hốt hụi hết 02 phần, sau khi hốt hụi thì còn nợ lại 15 lần hụi chết chưa đóng của 02 dây hụi, tính từ tháng 12/2020 đến tháng 2/2022 âm lịch (nhằm tháng 01/2021 đến tháng 03/2022 dương lịch), tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Phần thứ nhất: Bà H1, ông N, đóng hụi sống được 11 lần, tới lần thứ 12 kêu hốt vào ngày 09/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2020 dương lịch), hụi kêu 800.000 đồng, hốt được số tiền 132.300.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì đóng lại hụi chết được 05 lần đến tháng 11/2020 âm lịch, qua tháng 12/2020 âm lịch thì ngưng không đóng nữa. Còn nợ lại 15 lần hụi chết, tính từ tháng 12/2020 đến mãn hụi tháng 02/2022 âm lịch, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền 75.000.000 đồng.

- Phần thứ hai: Bà H1, ông N, đóng hụi sống được 13 lần, tới lần thứ 14 kêu hốt vào ngày 09/8/2020 âm lịch (nhằm ngày 25/9/2020 dương lịch), hụi kêu 900.000đồng, hốt được số tiền 131.300.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì đóng lại hụi chết được 03 lần đến tháng 11/2020 âm lịch, qua tháng 12/2020 (âm lịch) thì ngưng không đóng nữa. Còn nợ lại 15 lần hụi chết, tính từ tháng 12/2020 đến mãn hụi tháng 02/2022 âm lịch, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền 75.000.000 đồng.

Như vậy, bà H1, ông N còn nợ 15 lần hụi chết của 02 phần hụi, mỗi tháng 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng. Nay nguyên đơn bà M yêu

cầu bà H1 và ông N có nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Bị đơn bà Trần Hồng H1 trình bày: Bà có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Tuyết M làm chủ, nhưng mỗi lần giao dịch việc đóng tiền hụi và giao tiền hụi là do ông Nguyễn Văn H trực tiếp giao dịch với bà, không có đi khui hụi, chỉ điện thoại báo tiền hụi và ông H qua nhà lấy tiền hụi. Bà tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm có 32 phần, bà chơi 01 phần, hụi khui vào mùng 09 âm lịch, hụi khui tháng nào bà không nhớ rõ. Đến tháng 08/2020 (âm lịch) bà kêu hốt hụi, hụi kêu bao nhiêu bà không nhớ rõ, hốt được số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Bà chỉ nhớ còn lại 18 lần hụi chết phải đóng, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, sau đó bà đã đóng lại được 06 lần hụi chết, đến tháng 03/2021 (âm lịch) thì ngưng không đóng nữa. Bà thừa nhận còn nợ lại 12 lần hụi chết, mỗi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng. Bà không đồng ý còn nợ số tiền 150.000.000 đồng. Vì khi chơi hụi chỉ bà và ông H trao đổi qua lại với nhau. Nay bà chơi một phần thì bà đóng một phần, còn chủ hụi nói bao nhiêu bà không biết. Bà H1 đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng, nhưng hiện nay do bà H1 chưa có điều kiện khi nào có bà sẽ trả.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N tại tờ tường trình ngày 07/4/2022 trình bày: Ông là chồng bà Trần Hồng H1, về việc tranh chấp hụi với ông Nguyễn Văn H thì ông hoàn toàn không biết, ông không có tham gia hụi không liên quan về hụi. Ông Nguyễn Văn H có thưa vợ tôi thiếu hụi, vợ tôi thiếu thì vợ chồng cùng trả.

Những người làm chứng:

1/ Ông Trần Nhật T trình bày: Tôi và vợ là Ba K1 có tham gia dây hụi ngày 09/8/2019 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/tháng, 32 phần do bà Lê Thị Tuyết M làm chủ hụi, ông tham gia 02 phần. Khi tham gia chơi hụi thì chủ hụi có giao giấy đề "Sổ hụi" có danh sách hụi viên để theo dõi. Khi chơi hụi ông không có họp thành viên hốt hụi, chỉ điện thoại kêu hụi, hàng tháng hốt hụi thì chủ hụi điện thoại báo và ghi vào danh sách để theo dõi. Ông không biết sự việc tranh chấp giữa các bên như thế nào.

2/ Bà Phùng Minh H2 trình bày: Bà có tham gia dây hụi khui ngày 09/8/2019 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/tháng, 32 phần, do bà Lê Thị Tuyết M làm chủ hụi, bà tham gia 02 phần. Hàng tháng khi hốt hụi thì chủ hụi điện thoại báo tiền hụi, bà không có họp hụi viên. Giấy "Sổ hụi" có danh sách hụi viên thì chủ hụi có giao cho

bà giữ để theo dõi việc chơi hụi. Bà không biết cô H1 trong giấy hụi là ai. Bà không biết và không có chứng kiến việc giao tiền hụi, hốt hụi giữa các bên.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án sau:

- Giấy "Sổ Hụi" thể hiện hụi khui ngày 09/8/2019 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 32 phần.

- Nguyên đơn cung cấp đoạn ghi âm (lưu trữ bằng USB và kèm theo đĩa vi tính), thời lượng cuộc ghi âm là 20 phút 36 giây, tờ tường trình.

Những tài liệu, chứng cứ, tình tiết đương sự thống nhất và không thống nhất sau khi Tòa án tiến hành đối chất, thu thập trong hồ sơ vụ án:

Về chứng cứ là đoạn ghi âm do nguyên đơn cung cấp: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H và bị đơn bà H1 thừa nhận nội dung đoạn ghi âm, không ai đề nghị Tòa án trưng cầu giám định.

- Về các phần hụi của dây hụi:

+ Phần thứ nhất: Nguyên đơn cho rằng bị đơn có tham gia chơi và hốt hụi vào lần thứ 12 ngày 09/6/2020 âm lịch, đóng lại hụi chết đến tháng 11/2020, qua tháng 12/2020 thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại 15 lần hụi chết, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 75.000.000 đồng. Bị đơn bà H1 cho rằng, bà không có tham gia chơi phần hụi này, bà không có hốt hụi và không có nợ tiền hụi của phần này.

+ Phần thứ hai: Nguyên đơn và bị đơn bà H1 thống nhất: Bà H1 có tham gia chơi và hốt hụi vào lần thứ 14 ngày 09/8/2020 (âm lịch). Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng, bị đơn còn nợ lại 15 lần hụi chết, tính từ tháng 12/2020 đến mãn hụi tháng 02/2022 âm lịch, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng còn nợ 75.000.000 đồng. Còn bị đơn bà H1 chỉ thừa nhận còn nợ lại 12 lần hụi chết, tính từ tháng 03/2021 âm lịch đến mãn hụi, mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 60.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H.

Buộc bị đơn bà Trần Hồng H1 và ông Nguyễn Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Tuyết M có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2022, các bị đơn bà Trần Hồng H1, ông Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo. Nội dung: Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Trần Hồng H1, Nguyễn Thành N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Hồng H1, ông Nguyễn Thành N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn bà Trần Hồng H1 thừa nhận có tham gia chơi hụi với phía nguyên đơn do bà Lê Thị Tuyết M làm chủ, các bên cũng thống nhất số hụi viên tham gia, dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bị đơn bà H1 chỉ thừa nhận còn nợ 12 lần hụi chết là 60.000.000 đồng; còn nguyên đơn thì cho rằng nợ 15 lần hụi

chết của 02 phần hụi, mỗi tháng 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 150.000.000 đồng.

[2] Nguyên đơn cung cấp đoạn ghi âm (lưu trữ bằng USB và kèm theo đĩa vi tính), thời lượng cuộc ghi âm là 20 phút 36 giây và tờ tường trình. Tòa án cấp sơ thẩm cho tiến hành đối chất lời khai đương sự với nội dung đoạn ghi âm, tại biên bản đối chất ngày 10/01/2022. Do các đương sự đều thừa nhận lời nói trong đoạn ghi âm, không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định, nên đây là cơ sở để Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, tình tiết không phải chứng minh. Xét chứng cứ, ngoài USB của nguyên đơn cung cấp, tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử còn xem xét đánh giá các chứng cứ khác, như lời thừa nhận của các bên và các chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập là phù hợp, có căn cứ.

[4] Xét, bị đơn ông Nguyễn Thành N quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông N nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tại tờ tường trình ngày 07/4/2022 ông N trình bày: ông là chồng bà H1, ông không biết việc chơi hụi của bà H1, nhưng bà H1 có nợ thì vợ chồng cùng trả. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, ông N thống nhất cùng trả với bà H1, nên buộc bà Trần Hồng H1 và ông Nguyễn Thành N có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà Lê Thị Tuyết M có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh kháng cáo, cũng như phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 351, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Hồng H1, ông Nguyễn Thành N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H.

Buộc bị đơn bà Trần Hồng H1 và ông Nguyễn Thành N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Tuyết M có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Hồng H1 và ông Nguyễn Thành N liên đới chịu số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001104 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thành N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thành N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001439 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Bà Trần Hồng H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Hồng H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001438 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 06/02/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. V
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Ngân